

TÒA ÁN N DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 221/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2023

V/v *Tranh chấp*: “Ly hôn”

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Lê Hoài Phong

2. Ông Phan Thanh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký toà án N dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng N - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án N dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 873/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Huỳnh Mỹ C, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Tân Hội Đ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

**Bị đơn*: Ngô Trọng N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Tân Hội Đ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 22/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Mỹ C trình bày: Chị và anh Ngô Trọng N tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Tân Hội Đ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N do mâu thuẫn tiền bạc trong gia đình, mỗi lần cự cãi là anh N đuổi chị đi. Vợ chồng sống ly tH từ năm 2020 đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung: có 03 con tên Ngô Trọng Đ1, sinh ngày 30/8/2005, Ngô Thị Hạnh V, sinh ngày 28/7/2007 và Ngô Huỳnh Ngọc H, sinh ngày

14/01/2011. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Ngô Trọng N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N, chị yêu cầu được nuôi 03 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C xin ly hôn với anh N, giao 03 con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Ngô Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Huỳnh Mỹ C và anh Ngô Trọng N chung sống với nhau vào năm 2004, được Ủy ban N dân xã Tân Hội Đ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2012 nên là hôn N hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị C trình bày là do vợ chồng mâu thuẫn tiền bạc trong gia đình, thường xuyên cự cãi, anh N không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng sống ly tH từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay, từ lúc ly tH đến nay anh chị cũng không có liên lạc với nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Anh N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi tòa án, chứng tỏ anh không có thiện chí đoàn tụ với chị C, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về con chung: có 03 con tên Ngô Trọng Đ1, sinh ngày 30/8/2005, Ngô Thị Hạnh V, sinh ngày 28/7/2007 và Ngô Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 14/01/2011. Chị C yêu cầu được nuôi 03 con. Xét 03 con hiện đang sống với

chị C, được chị C chăm sóc tốt và các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu cần để chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về tài sản chung: Chị C yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị C khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện CT là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn N sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn N và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Mỹ C.

Về hôn N: Chị Huỳnh Mỹ C được ly hôn với anh Ngô Trọng N.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Ngô Trọng Đ1, sinh ngày 30/8/2005, Ngô Thị Hạnh V, sinh ngày 28/7/2007 và Ngô Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 14/01/2011 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đồng án phí hôn N sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0021273 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, chị C đã nộp xong án phí.

Chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện CT;
- THADS huyện CT;
- UBND xã Tân Hội Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hà